

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LÁT  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18-12-2024

V/v: Ly hôn và tranh chấp về  
nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Mây

2. Ông Vi Văn Thuần

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:**  
Ông Trương Văn Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Thao Thị G, sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Bản Hua Pù, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Mông.

CCCD số: 0381940083xx; Cấp ngày: 20/8/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh Chá Văn M, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Bản Hua Pù, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Mông.

CCCD số: 0380920149xx; Cấp ngày: 23/12/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2024; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Thao Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Chá Văn M tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, sống chung với nhau từ năm 2013 và đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2021 tại UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, cuộc sống hòa thuận được một thời gian dài và có 02 con chung. Đến khoảng đầu năm 2023 trở lại đây vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay xảy ra cãi vã lẫn nhau, anh chị luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến. Nhiều lần chị Thao Thị G cũng đã chịu đựng và nhường nhịn để giữ hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con cái. Chị cảm thấy cuộc sống như vậy thật mệt mỏi và bế tắc và cảm thấy không còn tình cảm với anh Chá Văn M nữa và chị cũng cảm nhận anh Chá Văn M cũng không còn tình cảm với chị nữa, nên mới đối xử với chị như vậy. Nguyện vọng của chị là muốn được Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để giải thoát cho cả hai và yên tâm lo cho cuộc sống riêng của mình. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chá Văn M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống và hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Chá Thị L, sinh ngày 29/5/2013 và cháu Chá Văn L, sinh ngày 22/11/2016, hiện tại các cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực và các cháu đang ở với bố và mẹ. Nguyện vọng của chị là giao cháu Chá Thị L và cháu Chá Văn L cho anh Chá Văn M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thao Thị G đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/hai cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Chá Thị L và cháu Chá Văn L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Thao Thị G là người dân tộc thiểu số (H'Mông), thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, nên đề nghị được miễn án phí sơ thẩm.

- *Tại bản tự khai đề ngày 31/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Chá Văn M trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Thao Thị G tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, hai người chung với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2021 tại UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian dài và có 02 con chung. Đến khoảng đầu năm 2024 trở lại đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Thao Thị G có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến. Nhiều lần anh cũng đã chịu đựng và nhường nhịn để giữ hạnh phúc gia đình, để chăm lo cho con cái. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 02 tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Hiện nay anh M xác định vẫn còn tình cảm với

chị G, không muốn ảnh hưởng tới con cái và anh M nghĩ mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên anh M không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống và hôn nhân, anh chị có 02 con chung, tên các cháu là: Chá Thị L, sinh ngày 29/5/2013 và cháu Chá Văn L, sinh ngày 22/11/2016. Nguyên vọng của anh là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chá Thị L và cháu Chá Văn L, cho đến khi từng cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Chá Văn M yêu cầu chị Thao Thị G phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/hai cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Chá Thị L và cháu Chá Văn L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản nguyện vọng đề ngày 28/10/2024, cháu Chá Thị L và cháu Chá Văn L trình bày: Hiện tại cháu đang ở với bố và mẹ. Nay bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố là Chá Văn M.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 115 và Điều 116 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Thao Thị G đối với anh Chá Văn M.

Về con chung và cấp dưỡng: Giao các cháu Chá Thị L, sinh ngày 29/5/2013 và cháu Chá Văn L, sinh ngày 22/11/2016 cho anh Chá Văn M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành; Chị Thao Thị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu mỗi tháng là 1.000.000đ/02 cháu/tháng cho đến khi từng cháu trưởng thành. Sau khi ly hôn, chị Thao Thị G được quyền và nghĩa vụ qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án HNGĐ và án phí cấp dưỡng sơ thẩm trong vụ án HNGĐ cho chị Thao Thị G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Chá Văn M đang có hộ khẩu thường trú: Bản Hua Pù, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, anh chưa chuyển khẩu hay tạm trú tạm vắng ở nơi khác.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Thao Thị G là Nguyên đơn; Anh Chá Văn M là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn và Bị đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn, đơn đề nghị xác định mâu thuẫn ở địa phương và quá trình giải quyết vụ án, thì: Chị Thao Thị G và anh Chá Văn M tự do tìm hiểu, yêu đương, hai người tự nguyện đến chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát vào ngày 24/3/2021, đây là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến khoảng đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân và anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau. Việc này đã được chính quyền xã Pù Nhi, huyện Mường Lát xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị Thao Thị G nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Chá Văn M. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai cũng xác nhận vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến. Nhiều lần anh M cũng đã chịu đựng và nhường nhịn để giữ hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con cái nhưng không thể thay đổi được môi bất đồng trong cuộc sống của vợ chồng. anh Chá Văn M cho rằng anh vẫn còn tình cảm với vợ, nhưng trong cuộc sống vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn, không thể hoà hợp và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 02 tháng 9 năm 2024 cho đến nay; Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy, đủ

cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Thao Thị G và anh Chá Văn M có 02 con chung, tên các cháu là: Chá Thị L, sinh ngày 29/5/2013 và cháu Chá Văn L, sinh ngày 22/11/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Thao Thị G đề nghị giao các cháu Chá Thị L và cháu Chá Văn L cho anh Chá Văn M là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành; anh Chá Văn M cũng có nguyện vọng muốn được nuôi cả hai cháu khi phải ly hôn. Chị Thao Thị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/hai cháu và anh Chá Văn M đồng ý để chị Thao Thị G cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản ghi nguyện vọng của các cháu thì bản thân cháu Chá Thị L, cháu Chá Văn L cũng có nguyện vọng muốn được ở với bố là anh Chá Văn M, anh Chá Văn M không bị cấm hoặc hạn chế về quyền nuôi con. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu của chị Thao Thị G và anh Chá Văn M và nguyện vọng của cháu Chá Thị L, cháu Chá Văn L, đó là giao cháu là: Chá Thị L, sinh ngày 29/5/2013 và cháu Chá Văn L, sinh ngày 22/11/2016 cho anh Chá Văn M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành. Chị Thao Thị G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, cản trở và có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật. Chị Thao Thị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/hai cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Chá Thị L và cháu Chá Văn L đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Thao Thị G và anh Chá Văn M không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Thao Thị G là người dân tộc thiểu số “H’Mông”, thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, nên HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án HNGĐ và án phí cấp dưỡng cho chị Thao Thị G.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thao Thị G.**

1.1. Về Hôn nhân: Cho chị Thao Thị G ly hôn với anh Chá Văn M.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho anh Chá Văn M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Chá Thị L, sinh ngày 29/5/2013 và cháu Chá Văn L, sinh ngày 22/11/2016 cho đến khi từng cháu trưởng thành. Chị Thao Thị G phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/hai cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Chá Thị L và cháu Chá Văn L đủ 18 tuổi. Chị Thao Thị G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, chị Thao Thị G và anh Chá Văn M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Thao Thị G và anh Chá Văn M không yêu cầu, nên không xét.

**2. Về án phí:** Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án HNGĐ và án phí cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Thao Thị G.

**3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:** Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Pù Nhi, H. Mường Lát;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**

